TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 128 /2022/HNGĐ- ST Ngày: 25-8-2022 V/v Ly hôn và nuôi con chung	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT- TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Vĩnh Mai và ông Hoàng Văn Mầm.

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Bích Dịu - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Y Khang Êban – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022 về việc ly hôn và nuôi con chung; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số:124/2022/QĐST- HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị H A Êban, sinh năm 1993; Địa chỉ: Buôn K B, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Y N Êban, sinh năm 1989; Địa chỉ: Buôn K A, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị H A Êban trình bày:

Chị H A Êban và anh Y N Êban tìm hiểu yêu thương nhau tự nguyện, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, thành phố B vào ngày 29/11/2011.

Quá trình sống chung vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, từ năm 2013 thì vợ chồng sống ly thân đến nay, không quan tâm chăm sóc đến nhau nữa, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng nên chị H A Êban có nguyện vọng xin được ly hôn với anh Y N Êban.

Về con chung: Chị H A Êban và anh Y N Êban có 01 con chung là cháu Y L Ê ban, sinh ngày 04/01/2012, hiện nay cháu đang ở với chị H'A. Chị H' A có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Y N Êban đã được Tòa án tống đạt triệu tập tham gia tố tụng hợp lệ theo quy định pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không lấy được lời khai của anh Y N và không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa HĐXX cũng như nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng.

Về nội dung:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 235;Điều 238; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H A Êban.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H A Êban được ly hôn anh Y N Êban.

-Về nuôi con chung: Giao 01 con chung là cháu Y L Ê ban, sinh ngày 04/01/2012 cho chị H A Êban trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh Y N Êban có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H A Êban không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung: chị H A Êban không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

-Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị H A Êban phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Anh Y N Êban không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn anh Y N Êban cư trú tại xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn chị H A Êban có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Y N Êban vắng mặt là lần thứ hai, do đó Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa xét xử yêu cầu khởi kiện của chị H A Êban là phù hợp theo quy định tại Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của chị H A Êban xin ly hôn anh Y N Êban. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H A Êban và anh Y N Êban tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, thành phố B vào ngày 29/11/2011 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên đơn chị H A Êban xác định trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn cãi vã nhau, xảy ra đã lâu nhưng vẫn không khắc phục được, vợ chồng sống ly thân từ năm 2013, tình cảm vợ chồng không còn nên chị H'A Êban có nguyện vọng xin được ly hôn với anh Y N Êban.

Kết quả xác minh tại địa phương xác định: Quá trình vợ chồng chị H'A Êban và anh Y N Êban kết hôn và chung sống tại Buôn K B, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk có phát sinh mâu thuẫn do anh Y N Êban thường xuyên rượu chè, đánh đập vợ con, vợ chồng đã ly thân từ năm 2013 và anh Y N Êban đã về nhà mẹ đẻ sinh sống, nên chị H A Êban yêu cầu giải quyết việc ly hôn.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã tiến hành xác minh và tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng anh Y N Êban cố tình vắng mặt không đến Tòa tham gia tố tụng để hòa giải, hàn gắn hạnh phúc gia đình nên Tòa án không lấy lời khai được.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị H A Êban và anh Y N Êban đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh Y N Êban của chị H A Êban là phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

-Về con chung: Chị H A Êban và anh Y N Êban có 01 con chung là cháu Y L Êban, sinh ngày 04/01/2012, chị H A Êban có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay con chung đang do chị H A Êban trực tiếp nuôi dưỡng từ khi vợ chồng chị sống ly thân từ năm 2013, qua tham khảo ý kiến của con chung trên 07 tuổi, con chung có nguyện vọng xin được ở với mẹ nên để ổn định cuộc sống của con chung cần giao con chung cho chị H A Êban trực tiếp nuôi dưỡng, anh Y N Êban có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H A Êban không yêu cầu Tòa án giải quyết là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận.

Về tài sản chung: chị H A Êban không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là tự nguyện và phù hợp cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị H A Êban phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh Y N Êban không phải chịu tiền án phí .

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 235;Điều 238; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2]*Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H A Êban.

Về quan hệ hôn nhân: Chị H A Êban được ly hôn anh Y N Êban.

Về nuôi con chung: Giao 01 con chung là cháu Y L Êban, sinh ngày 04/01/2012 cho chị H A Êban trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh Y N Êban có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H A Êban không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H A Êban không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị H A Êban phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí chị H A Êban đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0012505 ngày 22/3/2022 Tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Anh Y N Êban không phải chịu án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND Tp. BMT;
-Chi cục THADS Tp.B;
- UBND xã E;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Nguyệt